TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 6 – 2022
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Khel

2. Ông Huỳnh Phước

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Pô Pha U**, sinh ngày xx/xx/xx

Địa chỉ: số , đường , khóm , phường , thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Thạch Đ**, sinh năm: xxxx

Địa chỉ: số , đường T, khóm , phường , thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2022 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Thạch Thị Pô Pha U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố Sóc Trăng vào ngày 18/8/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó khoảng hai năm nay thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên (anh Đ hai lần đánh đập gây thương tích nặng trên

cơ thể chị U), anh Đ hay đăng lên mạng bôi bác danh dự chị U. Nhận thấy, đời sống hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục được nữa nên chị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con tên Thạch Hoàng Đ, sinh ngày xx/xx/20xx; Thạch Kiều Đ, sinh ngày xx/xx/20xx, hiện nay do chị U đang nuôi dưỡng. Cho nên, sau khi ly hôn với anh Đ chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật là vắng mặt nhiều lần không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị U và anh Đ là vợ chồng trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị U yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Đ có địa chỉ thường trú tại thành phố Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Toà án đã tống đạt hợp lệ nguyên đơn, bị đơn đến tham gia phiên toà lần thứ hai mà nguyên đơn, bị đơn vẫn vắng mặt (nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do). Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh Đ kết hôn vào năm 2014, có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị U và anh Đ đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị U xin ly hôn với anh Đ: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị U và anh Đ chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị U là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, khi cãi vã nhau có lần anh Đ đánh đập chị U và đăng lên mạng những từ ngữ bôi bác chị U. Mâu thuẫn ngày càng nhiều dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau. Từ những phân tích trên cho thấy thực trạng mâu thuẫn giữa chị U và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; hiện nay chị U và anh Đ mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U.

[5] Về con chung: Chị U và anh Đ có 02 người con tên Thạch Hoàng Đ, sinh ngày xx/xx/20xx; Thạch Kiều Đ, sinh ngày xx/xx/20xx, hiện nay do chị Uy đang nuôi dưỡng. Nhận thấy, con từ trước đến nay đều do chị U chăm sóc nuôi dưỡng và hiện nay 02 cháu về tâm sinh lý phát triển bình thường, được đi học, được chị U chăm lo đầy đủ về các điều kiện sinh hoạt hàng ngày. Xuất phát từ mọi lợi ích của 02 cháu, căn cứ vào Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình cần phải giao cháu Đ, cháu Đ cho chị U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị U là người trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị U trình bày vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị U trình bày vợ chồng không có nợ chung và cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tung Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị U phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Pô Pha U được ly hôn với anh Thạch Đ.

2. Về con chung: Sau khi chị U ly hôn với anh Đ, con chung tên Thạch Hoàng Đ, sinh ngày xx/xx/20xx; Thạch Kiều Đ, sinh ngày xx/xx/20xx, giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không có cấp dưỡng cho cháu Đ, cháu Đ.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Đ, cháu Đ, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Toà án không có xem xét giải quyết.

4.Về nợ chung: Toà án không có xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị Pô Pha U phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000323 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; chị U đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND -TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND - TST;
- UBND phường 5, TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Thanh Bình